

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYỀN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2018

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Minh T**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đặng Quốc H**

Ông Dương Hữu T

- Thư ký phiên tòa: **Bà Lê Thị Thu H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Tâm** - Kiểm sát viên VKSND huyện Cẩm Xuyên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Cao Thị S**, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn 6, xã Cẩm Th, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

Nghề nghiệp: lao động tự do, có mặt

2. Bị đơn: **Anh Trần Biên C**, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn 6, xã Cẩm Th, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh;

Nghề nghiệp: Lao động tự do, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị S trình bày: Chị và anh Trần Biên C tổ chức lễ cưới và kết hôn vào ngày 07/01/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Th, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, trên cơ sở tự nguyện và tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với bố mẹ chồng tại thôn 6, xã Cẩm Th, huyện Cẩm Xuyên. Tình cảm vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, anh Cương không chịu khó làm ăn và không có trách nhiệm gì với vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thường xuyên xảy ra tranh chấp cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị S và anh C đã sống ly thân nhau từ cuối năm

2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Cao Thị S làm đơn xin ly hôn với anh Trần Biên C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Cao Bảo N, sinh ngày 03/06/2011, giới tính: nữ. Hiện tại cháu đang sống với cố nội và học lớp 1 tại Trường tiểu học Cẩm Th, huyện Cẩm Xuyên. Chị Cao Thị S có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh Trần Biên C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Cao Thị S trình bày vợ chồng anh chị có một khối tài sản chung, chị thống nhất nhường toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho anh Trần Biên C trực tiếp quản lý sử dụng, không yêu cầu toà giải quyết.

Về nợ chung: Chị Cao Thị S xác định trong quá trình chung sống chị Cao Thị S và anh Trần Biên C không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2017, biên bản hòa giải ngày 19/12/2017 bị đơn anh Trần Biên C trình bày: Anh đồng ý với lời trình bày của chị Cao Thị S về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản, nợ chung. Tuy nhiên tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Cao Bảo N, sinh ngày 03/06/2011, giới tính: nữ, anh C yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Anh thống nhất như lời chị S trình bày và có nguyện vọng được sở hữu toàn bộ tài sản.

Về nợ: Anh C xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 39 Bộ luật Dân sự, khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, điều 54, khoản 1 điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử cho chị Cao Thị S được ly hôn với anh Trần Biên C; Về con chung, căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, giao cháu Trần Cao Bảo N, sinh ngày 03/06/2011 cho chị Cao Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Về tài sản, về nợ: Đương sự không yêu cầu và không nợ ai nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Cao Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn đối với anh Trần Biên C, hiện tại anh Trần Biên C đang cư trú tại Xã Cẩm Th, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[2] Bị đơn là anh Trần Biên C đã được tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có đơn xin xét xử

vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Cao Thị S và anh Trần Biên C tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Th, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2011 ngày 07/01/2011 do UBND xã Cẩm Th, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh cung cấp, nên hôn nhân giữa chị S và anh C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh C mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C đến làm việc nhưng anh C vẫn không có mặt, tại phiên tòa anh C tiếp tục vắng mặt lần 2 không rõ lý do, chứng tỏ anh C bỏ mặc và không có trách nhiệm gì với cuộc hôn nhân này. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân của Chị S và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị S yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở, nên cần chấp nhận xử cho chị Cao Thị S được ly hôn với anh Trần Biên C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 51, điều 56, điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị S xin được nuôi cháu N và không yêu cầu anh C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Trong bản tự khai và biên bản hòa giải của anh C, anh cũng có nguyện vọng xin được nuôi cháu N và không yêu cầu chị S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, khi xem xét để giao con đang ở lứa tuổi vị thành niên cho bố hoặc mẹ nuôi, trên cơ sở xem xét điều kiện, hoàn cảnh của các bên, nhằm đảm bảo cho cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần và có điều kiện thuận lợi trong học tập hơn nữa cháu N là con gái cần được sự chăm sóc và nuôi dưỡng của người mẹ hơn. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Cao Bảo N, sinh ngày 03/06/2011 cho chị Cao Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng ghi nhận sự tự nguyện của chị Cao Thị S là giao toàn bộ tài sản chung cho anh C không yêu cầu tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Hai bên chị S và anh C đều xác định không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

[5] Về án phí: Buộc chị Cao Thị S phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 002154 ngày 08/12/2017 tại Chi cục thi hành án huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Cao Thị S đã nộp đủ.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, điều 177, điều 179, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, điều 54, khoản 1 điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị S về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn đối với anh Trần Biên C.

1. Về hôn nhân: chị Cao Thị S được ly hôn với anh Trần Biên C.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Cao Bảo N, sinh ngày 03/06/2011 cho chị Cao Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trần Biên C không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để ngăn cản hoặc gây ảnh hưởng xấu đến công việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Cao Thị S phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 002154 ngày 08/12/2017 tại Chi cục thi hành án huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Cao Thị S đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo bản án: Án xử công khai, nguyên đơn chị Cao Thị S có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Biên C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS huyện CX;
- THA Cẩm xuyên;
- UBND xã Cẩm Th, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu HS, Án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh T

